

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 3 - 2024
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Bảy
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị M, sinh năm 1986; cư trú tại: ấp Lung Dừa, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn Kh, sinh năm 1976; cư trú tại: ấp Lung Dừa, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Phạm Thị M trình bày tại đơn khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Năm 2004, bà và ông Trần Văn Kh tự nguyện chung sống với nhau. Đến năm 2017 ông bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Bà xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Kh.

Về nuôi con chung: Bà và ông Kh có 04 người con chung là Trần Thảo Ng, sinh năm 2005 (đã trưởng thành), Trần Thanh Th, sinh ngày 03/5/2008, Trần Trọng Q, sinh ngày 16/4/2013 và Trần Trọng Ph, sinh ngày 24/5/2015, đang sống với ông Kh. Khi ly hôn, bà đồng ý giao 03 con là cháu Th, Q và Ph cho ông Kh

trực tiếp nuôi, bà đồng ý cấp dưỡng 03 con là 3.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng), liên tục hàng tháng cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 05/3/2024, bị đơn ông Trần Văn Kh trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2004, ông và bà Phạm Thị M tự nguyện chung sống với nhau. Đến năm 2017 ông bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Theo ông vợ chồng có mâu thuẫn lớn. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông và bà M có 04 người con chung là Trần Thảo Ng, sinh năm 2005 (đã trưởng thành, có gia đình riêng), Trần Thanh Th, sinh ngày 03/5/2008, Trần Trọng Q, sinh ngày 16/4/2013 và Trần Trọng Ph, sinh ngày 24/5/2015, đang sống với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu nuôi 03 con là cháu Thê, Quý và Phúc và yêu cầu bà M cấp dưỡng 03 người con là 3.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng).

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Ông Kh và bà M yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn là bà Phạm Thị M và bị đơn ông Trần Văn Kh có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 2004 ông Kh và bà M tự nguyện chung sống với nhau. Năm 2017 ông bà tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà M trình bày do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Nay bà không còn tình cảm và xin ly hôn với ông Kh. Về phía ông Kh thống nhất ly hôn với bà M. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông bà không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn với ông Kh.

[3] *Về con chung*: Ông Kh và bà M có 04 người con chung là Trần Thảo Ng, sinh năm 2005 (đã trưởng thành, có gia đình riêng), Trần Thanh Th, sinh ngày 03/5/2008, Trần Trọng Q, sinh ngày 16/4/2013 và Trần Trọng Ph, sinh ngày 24/5/2015, đang sống với ông Kh. Khi ly hôn, bà M và ông Kh thống nhất giao 03 con là cháu Th, Q và Ph cho ông Kh nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của các con. Xét yêu cầu của ông Kh và bà M là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận và giao 03 con là

cháu Th, Q và Ph cho ông Kh trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Ông Kh yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi 03 con nhỏ, bà M đồng ý cấp dưỡng 03 cháu Th, Q và Ph với số tiền 3.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng), liên tục hàng tháng cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của ông Kh là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Kh và bà M xác định không có và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

[6] *Về án phí*: Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị M và ông Trần Văn Kh.

2. Về con chung:

2.1 Giao 03 người con chung là Trần Thanh Th, sinh ngày 03/5/2008, Trần Trọng Q, sinh ngày 16/4/2013 và Trần Trọng Ph, sinh ngày 24/5/2015 cho ông Trần Văn Kh trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Bà Phạm Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung là Trần Thanh Th, Trần Trọng Q và Trần Trọng Ph với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng một tháng) cho đến khi 03 cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp con đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì bà M vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

3. Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Ngày 01/02/2024, bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008040 tại Chi cục thi

hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA
TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND **xã Lý Văn Lâm**, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc